

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 98/2020/HNGĐ- ST
Ngày 04/9/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT- TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương;
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Nông Hữu Dân;
 2. Bà Nguyễn Thị Kim Dũng;
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà- Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo- Chức vụ: Kiểm sát viên;

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 349/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2020/QĐST- HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1978 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

** Bị đơn:* Ông Trần Văn K sinh năm 1965 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim H trình bày có nội dung:*

Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trần Văn K tự nguyện chung sống từ năm 1996, đến tháng 10 năm 1998 vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Trần Văn L, sinh ngày 16/3/1996 và Trần Thị Thùy T, sinh ngày 21/9/1998;

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì. Tuy nhiên đến khoảng năm 2009 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hợp nhau; hơn nữa ông K thường xuyên ghen tuông, uống rượu về gây gổ, xúc phạm bà, vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng đã cùng nhau khắc phục nhưng mục đích hôn nhân vẫn không đạt được, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2020 đến nay. Nay bà H xét thấy không còn tình cảm với Khôi nữa, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Văn K.

- Về con chung: Các con chung là Trần Văn L, sinh ngày 16/3/1996 và Trần Thị Thùy T, sinh ngày 21/9/1998 đã đủ tuổi trưởng thành, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận chia, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

** Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ông Trần Văn K trình bày có nội dung:*

Ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị Kim H tự nguyện chung sống từ năm 1996, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 30/10/1998;

Quá trình chung sống vợ chồng, vợ chồng có 02 con chung là Trần Văn L, sinh ngày 16/3/1996 và Trần Thị Thùy T, sinh ngày 21/9/1998;

- Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do đôi khi ông K có chuyện buồn về làm ăn kinh tế nên ông có đi uống rượu về rồi xúc phạm vợ, dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã nhau. Bản thân ông có xin lỗi bà H để vợ chồng hàn gắn nhưng bà H không đồng ý. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông K, thì ông xét thấy còn thương yêu vợ, không muốn ly hôn; yêu cầu Tòa án cho vợ chồng thời gian để suy nghĩ lại, hàn gắn để tiếp tục chung sống. Nếu sau khi vợ chồng hòa giải mà bà H nhất quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Các con chung là Trần Văn L, sinh ngày 16/3/1996 và Trần Thị Thùy T, sinh ngày 21/9/1998 đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận chia, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự, nhưng ông K, bà H vẫn không thống nhất được hướng giải quyết việc kiện.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành

đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự;

- Về nội dung vụ án: Xét thấy bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trần Văn K tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; quá trình chung sống đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, mặc dù đã hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2020 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Văn K là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H về việc yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Trần Văn K. Về con chung: Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành; Về tài sản chung: Bà H ông K tự thỏa thuận chia, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Văn K có nơi cư trú tại thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn ông Trần Văn K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Trần Văn K tự nguyện chung sống, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình duy trì hôn nhân, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày càng căng thẳng và đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 đến nay.

Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng bà H, ông K phát sinh đã lâu, tình trạng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 đến nay. Như vậy, hôn nhân giữa bà H, ông K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Các con chung là Trần Văn L, sinh ngày 16/3/1996 và Trần Thị Thùy T, sinh ngày 21/9/1998 đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung: Bà H, ông K tự thỏa thuận chia, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H về việc yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Trần Văn K;

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim H được ly hôn với ông Trần Văn K;

- Về con chung: Các con chung là Trần Văn L, sinh ngày 16/3/1996 và Trần Thị Thùy T, sinh ngày 21/9/1998 đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung: Bà H, ông K tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Kim H đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0007901 ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Bị đơn ông Trần Văn K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- UBND xã H (Số 80 ngày 30/10/1998);
- THA TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Diễm Hương